

Bản án số: 242/2020/DS-ST
Ngày: 18/12/2020
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Trúc

- *Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Phan Thanh Dũng

2. Ông Phan Tấn Lạc

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phúc Hưng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị N, sinh năm 1980

Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị G, sinh năm 1954

Ông Phạm Hồng H, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Định Khánh A, xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Tôi tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị G làm chủ hụi, cụ thể các dây hụi sau:

- Hụi mùa 3.000.000 đồng mở ngày 24/7/2015 âm lịch, có 15 phần, tôi tham gia 01 phần, đóng được 12 lần, với tổng số tiền 36.000.000 đồng;

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 15/8/2018 âm lịch, có 20 phần, tôi tham gia 01 phần, đóng được 13 lần, với tổng số tiền 6.500.000 đồng;
- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 20/12/2018 âm lịch, có 20 phần, tôi tham gia 01 phần, đóng được 09 lần, với tổng số tiền 4.500.000 đồng;
- Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 19/8/2018 âm lịch, có 10 phần, tôi tham gia 01 phần, đóng được 03 lần, với tổng số tiền 15.000.000 đồng;
- Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 21/01/2017 âm lịch, có 15 phần, tôi tham gia 02 phần, đóng được 08 lần, với tổng số tiền 80.000.000 đồng;

Tổng cộng bà G và ông H nợ tôi số tiền hụi 142.000.000 đồng, nay tôi yêu cầu ông H, bà G trả lại số tiền này cho tôi.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Tôi làm chủ hụi các dây hụi mà bà Lê Thị N tham gia:

- Hụi mùa 3.000.000 đồng mở ngày 24/7/2015 âm lịch, có 15 phần, bà N tham gia 01 phần, đóng được 12 lần, với tổng số tiền 19.620.000 đồng;
- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 15/8/2018 âm lịch, có 20 phần, bà N tham gia 01 phần, đóng được 14 lần, với tổng số tiền 4.260.000 đồng;
- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 20/12/2018 âm lịch, có 20 phần, bà N tham gia 01 phần, đóng được 09 lần, với tổng số tiền 4.000.000 đồng;
- Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 19/8/2018 âm lịch, có 10 phần, bà N tham gia 01 phần, đóng được 03 lần, với tổng số tiền 8.350.000 đồng;
- Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 21/01/2017 âm lịch, có 15 phần, bà N tham gia 02 phần, đóng được 08 lần, với tổng số tiền 46.580.000 đồng;

Tôi đã tuyên bố bẻ hụi từ tháng 8/2019 (âm lịch) do tay em giật hụi, tổng số tiền hụi bà N đã đóng cho tôi các dây hụi trên là 82.810.000 đồng. Ngoài ra, bà N còn nợ tôi 12.000.000 đồng là 04 lần hụi chết của chân hụi mùa 3.000.000 đồng chưa đóng. Cấn trừ vào số tiền bà N còn nợ tôi thì tôi chỉ còn nợ bà N 70.810.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà N và bị đơn bà G thống nhất số tiền hụi bà N đã đóng cho bà G như bà G trình bày, bà N thống nhất cấn trừ vào số tiền bà N còn nợ bà G và chỉ yêu cầu bà G, ông H trả lại 70.810.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng góp hui*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Hồng H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án huyện Thới Lai căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Hồng H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, bà G thừa nhận bà N tham gia góp hui do bà làm chủ hui, hui viên không đóng hui đầy đủ nên bà mất khả năng thanh toán và đã tuyên bố vỡ hui, hiện tại bà và chồng bà là ông H còn nợ bà N số tiền sau khi đã cắt trừ tiền hui chết bà N còn nợ bà là 70.810.000 đồng. Việc thừa nhận này của bà G cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà G và ông H phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 70.810.000 đồng. Mặc dù, bà N và bà G thống nhất các nội dung tranh chấp nhưng do ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954 và bị đơn ông Phạm Hồng H, sinh năm 1951 nên theo Điều 2 Luật người cao tuổi thì bị đơn thuộc diện người cao tuổi và được miễn án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 471; 466 Bộ luật dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Hồng H trả cho bà Lê Thị N số tiền 70.810.000 đồng (bảy mươi triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành

án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Hồng H được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị N được nhận lại 3.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 015570 ngày 11/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc